



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Sao Thái Dương

Ngày 30/09/2025	1,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

DT thuần Q3/25
4.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.96 -31.0%
YoY: ▼39.6 -90.1%

LN thuần Q3/25
-20.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.1 -233%
YoY: ▼30.4 -295%

LN sau thuế Q3/25
-21.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.5 -180%
YoY: ▼32.7 -279%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-441%
YoY: +/-▼ 391%

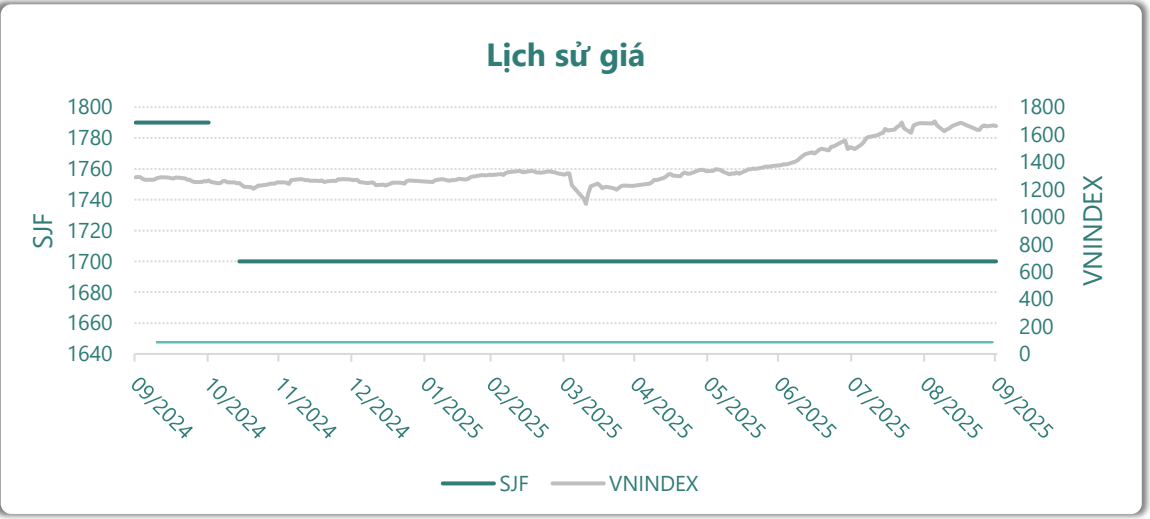
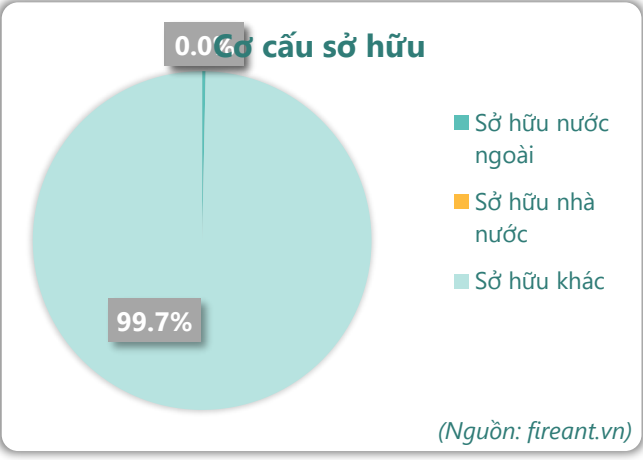
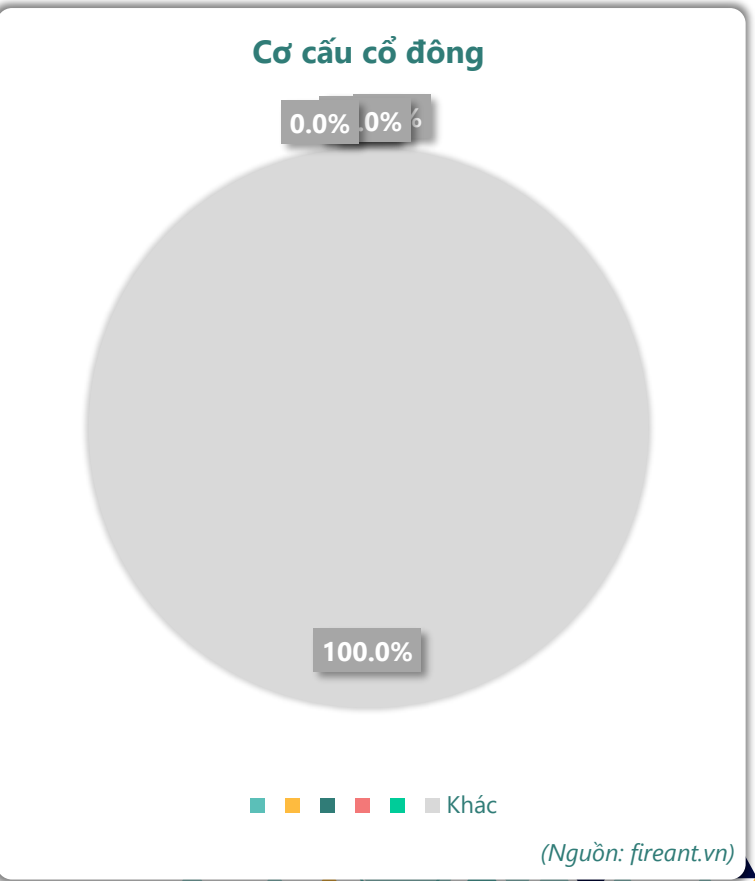
ROE (TTM) Q3/25
-5.8%
YoY: +/-▼ 6.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	135
Số lượng CPLH (CP)	79,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	-
EPS	-359
P/E	-4.7

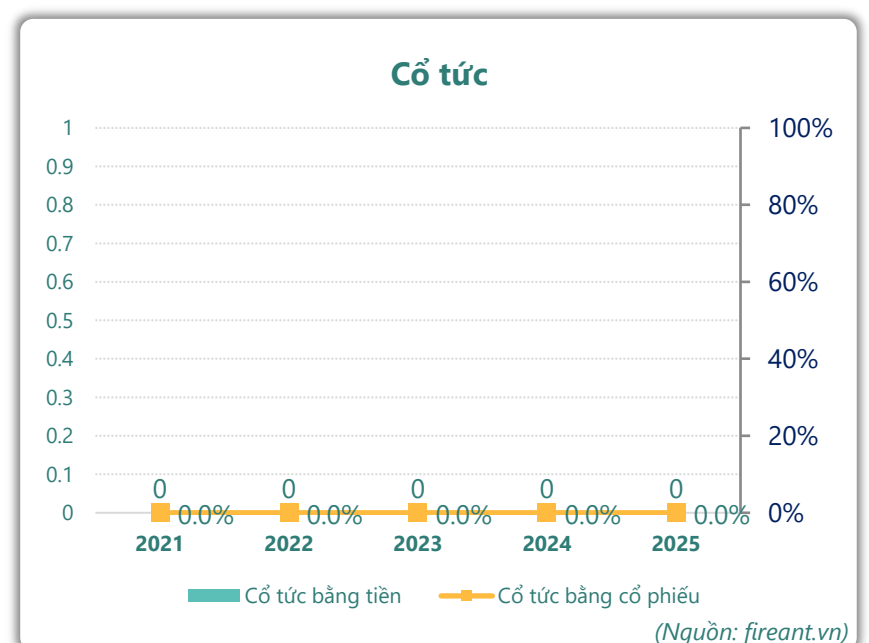
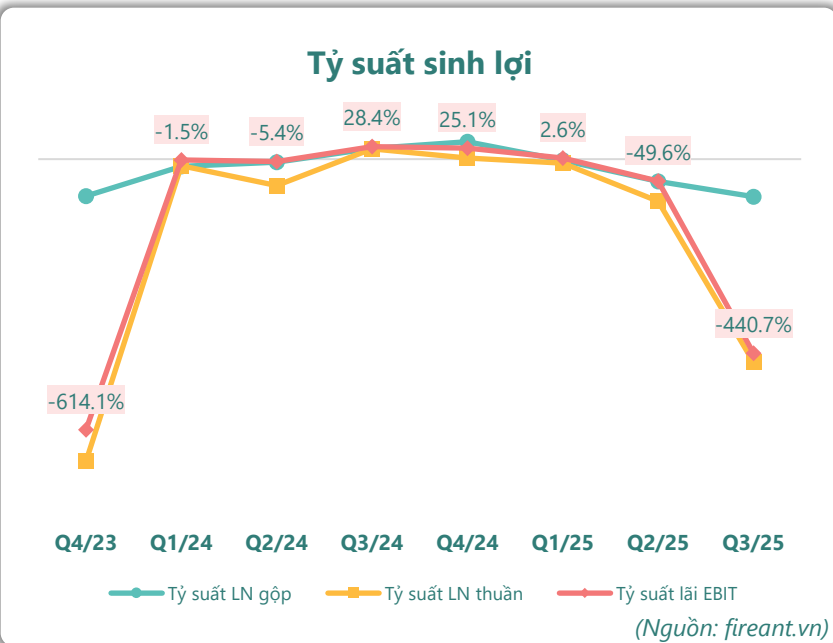
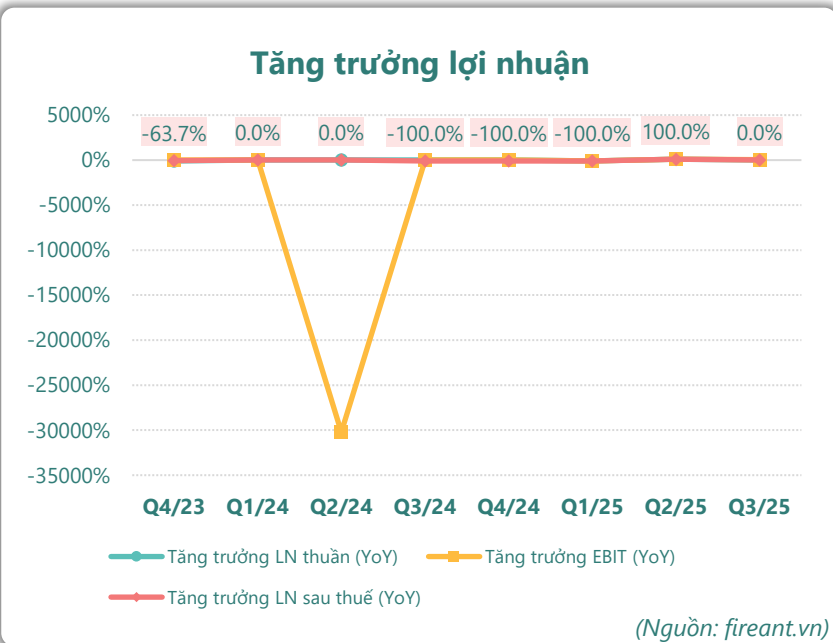
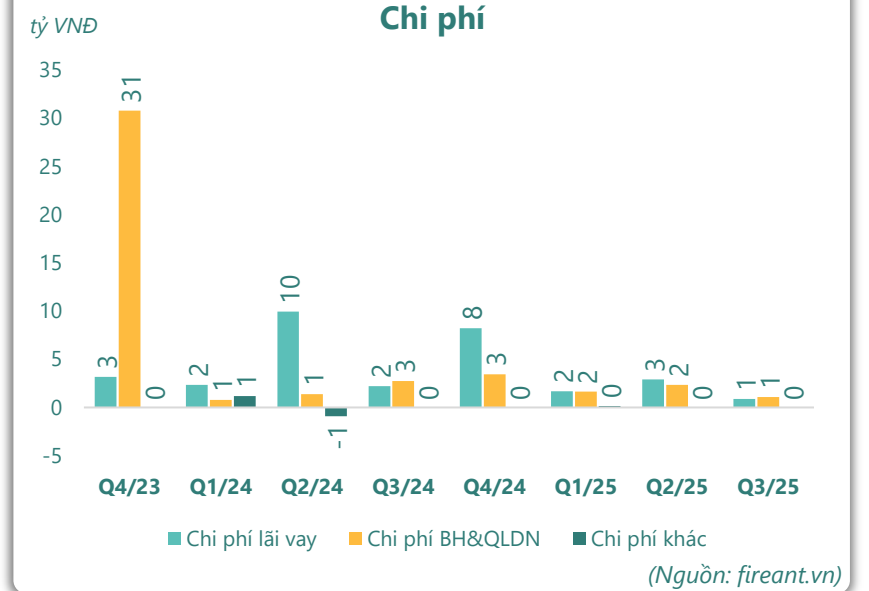
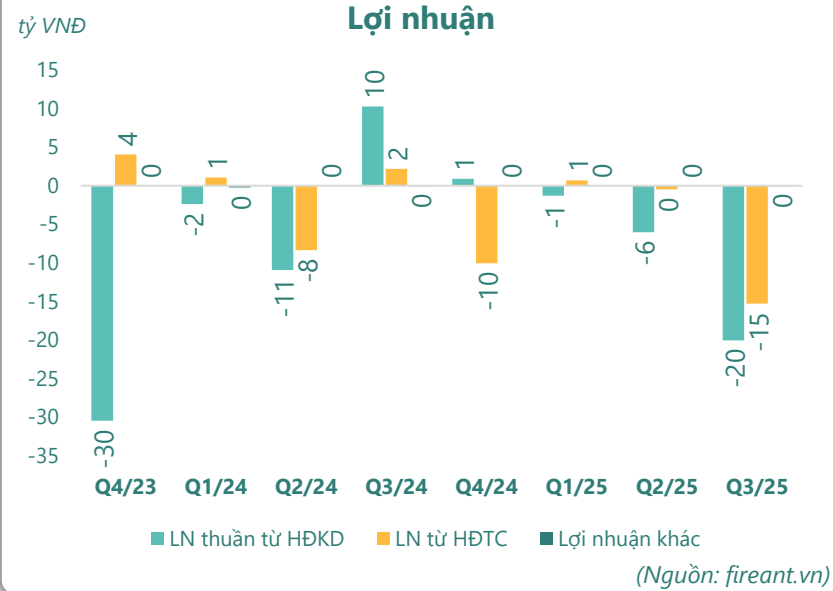
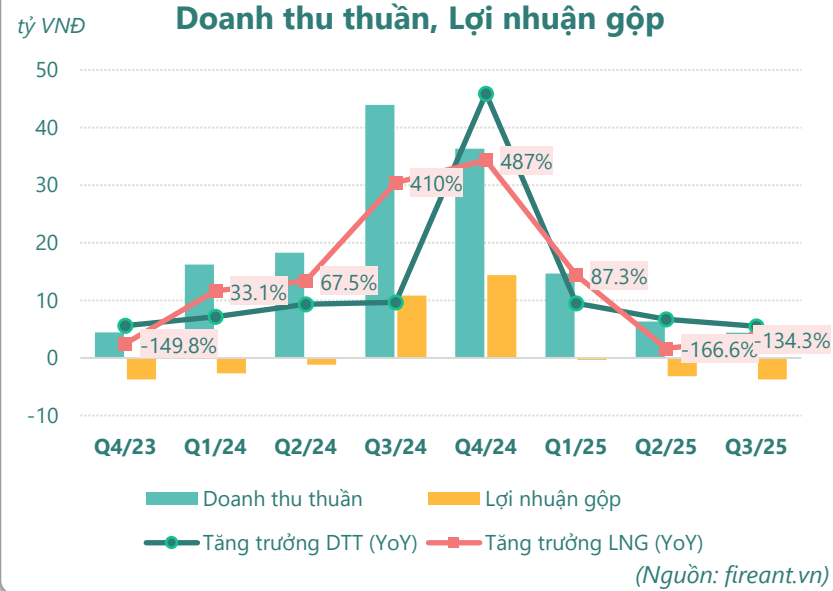
DT thuần 9T 2025
25.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼53.2 -67.7%

LN thuần 9T 2025
-27.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼24.4 -807%

LN sau thuế 9T 2025
-30.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.6 -529%



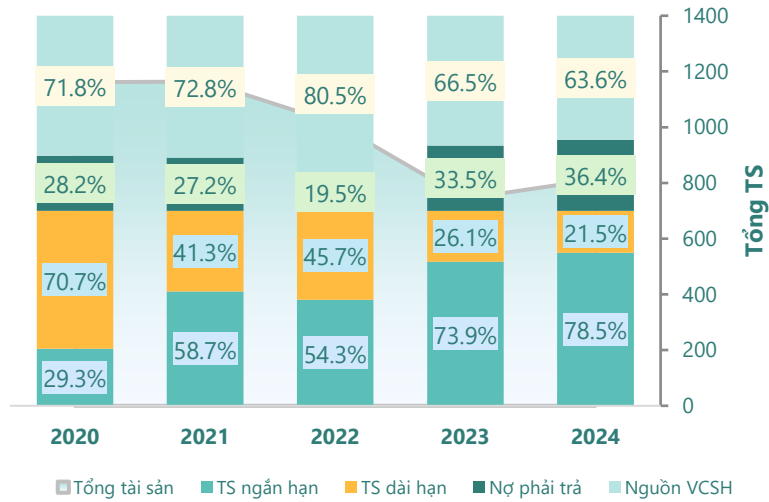
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

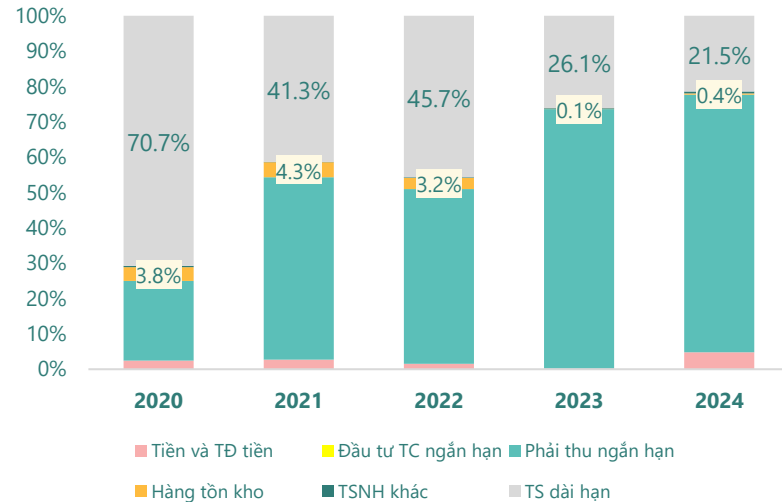
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

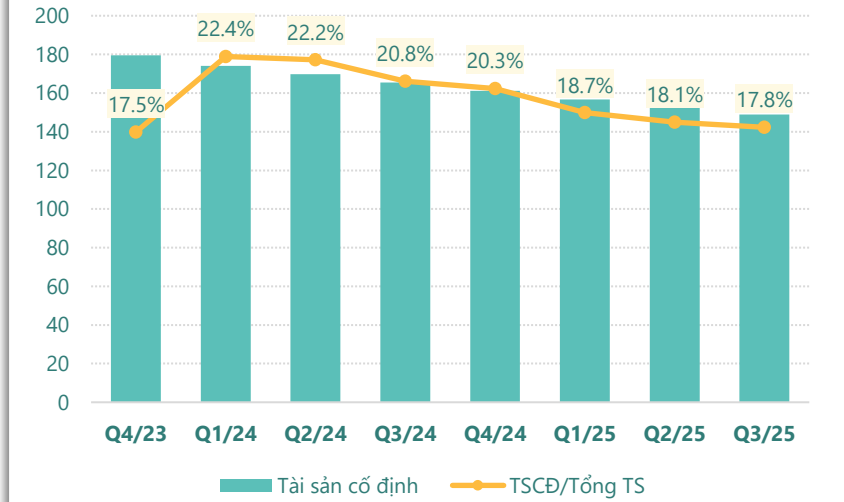
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

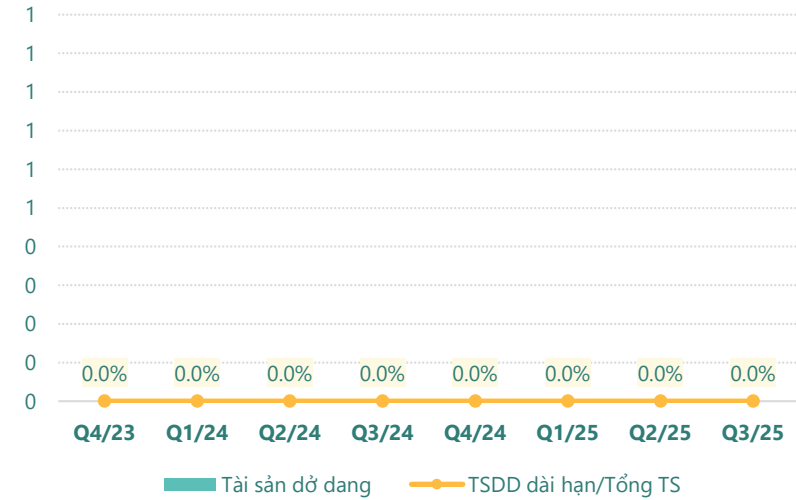
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

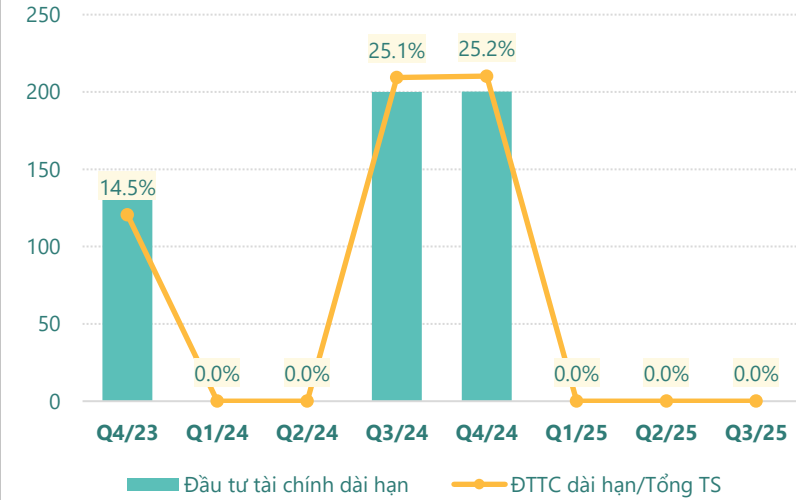
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

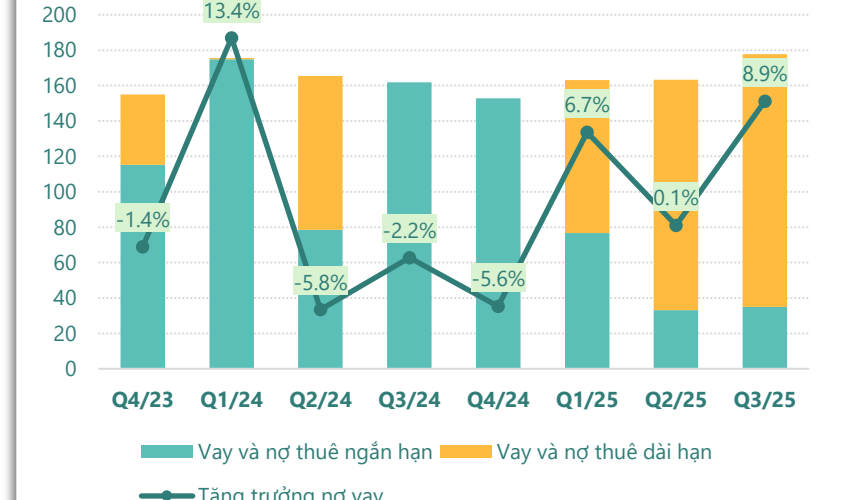
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

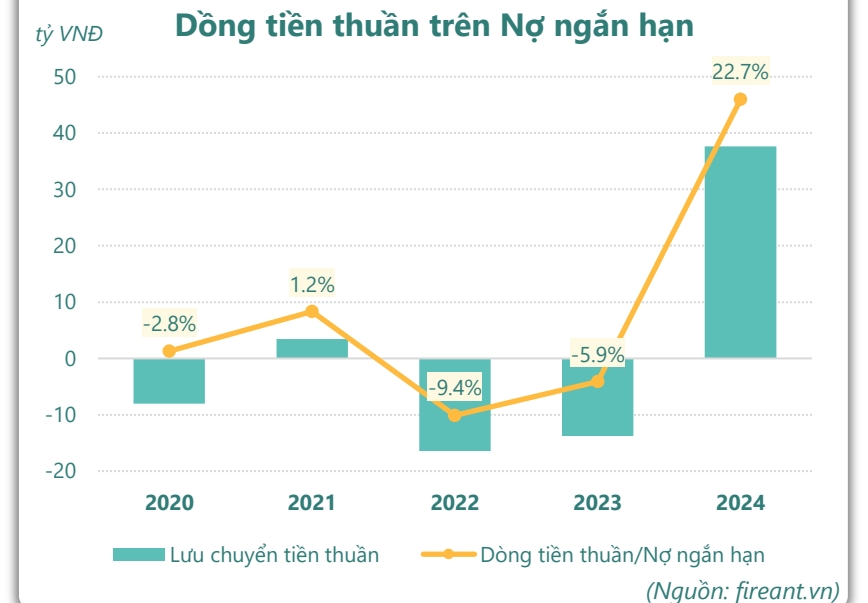
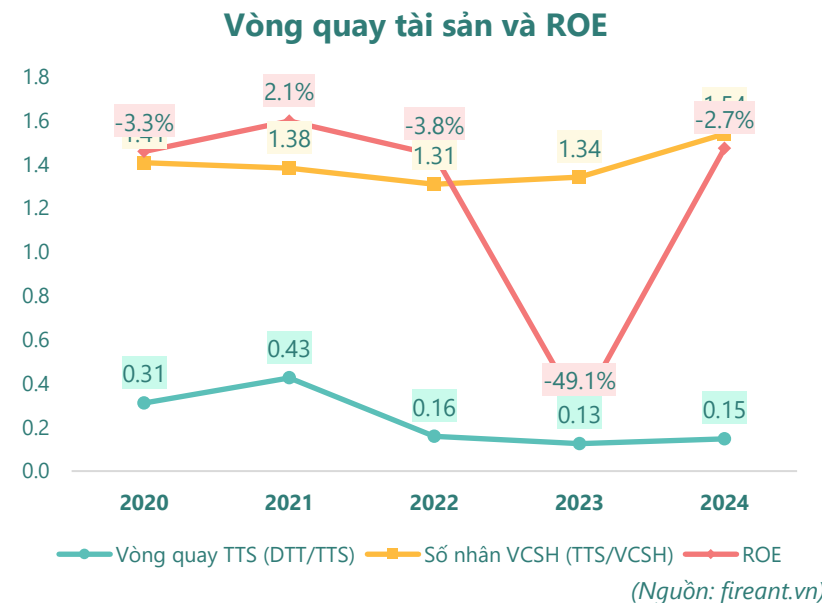
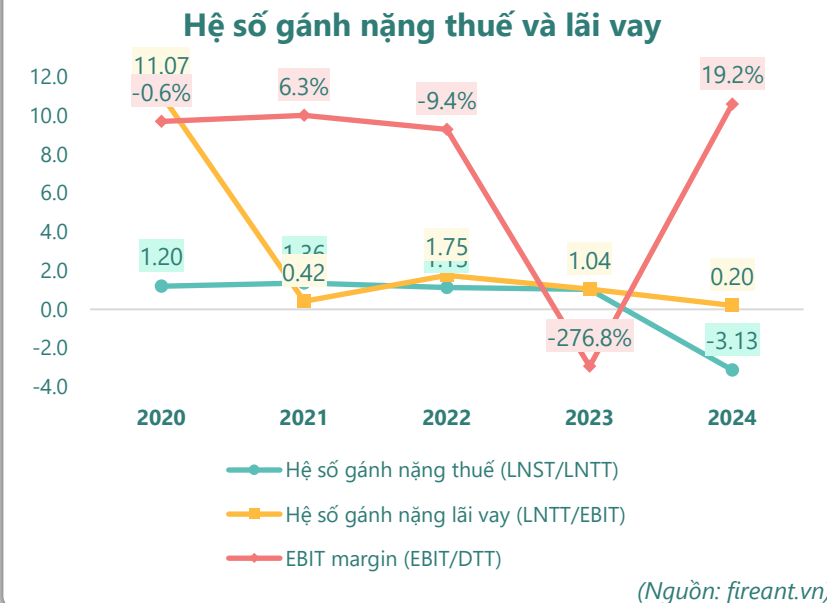
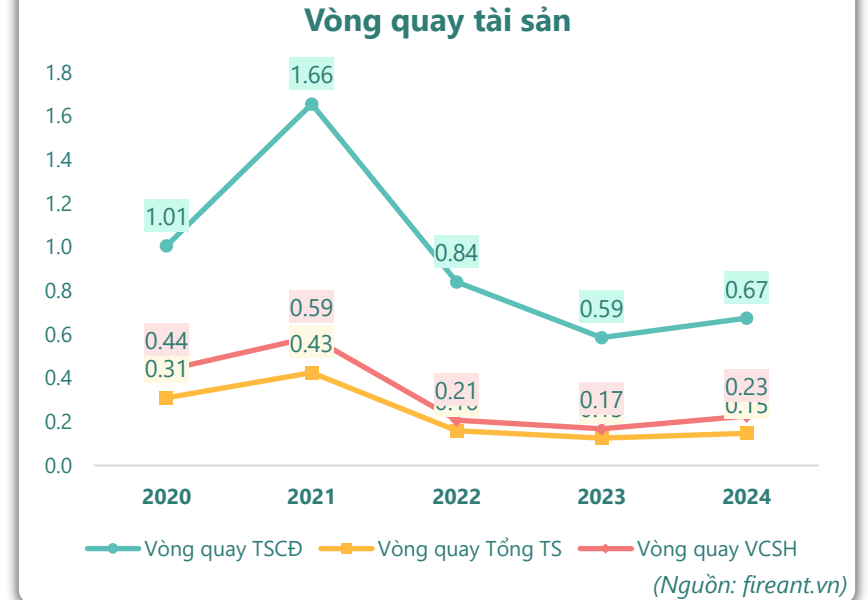
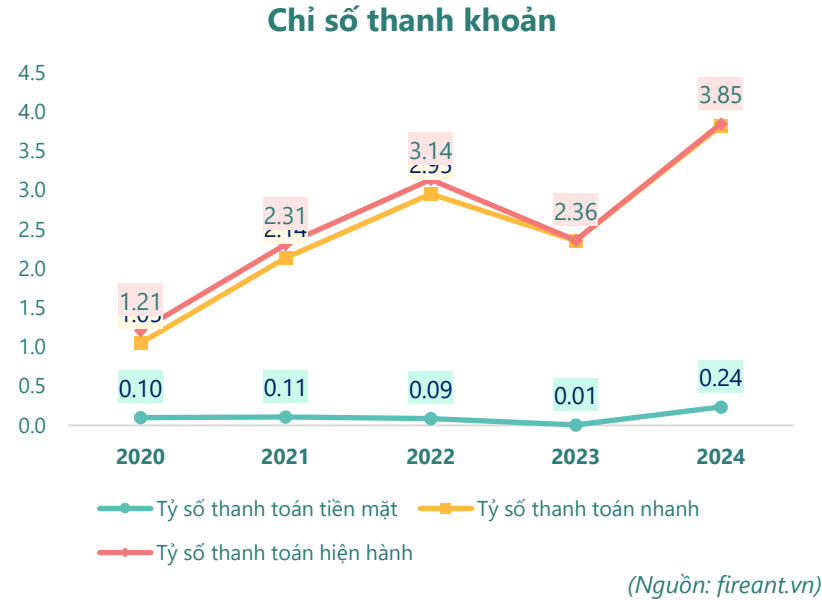
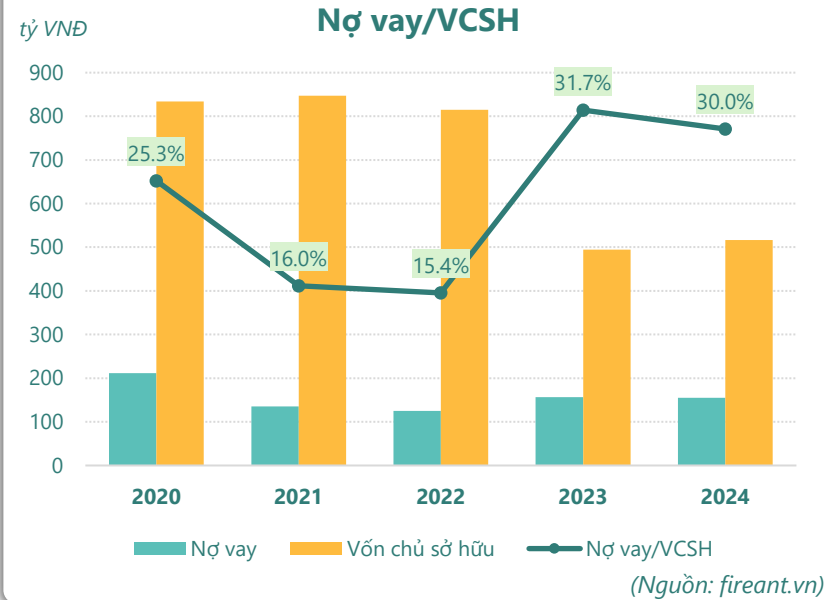
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	4.36	44.0	-90.1%	25.3	78.5	-67.7%
Giá vốn hàng bán	8.07	33.2	-75.7%	32.5	71.5	-54.5%
Lợi nhuận gộp	-3.71	10.8	-134%	-7.24	6.98	-204%
Doanh thu HĐTC	0.61	4.42	-86.2%	5.40	12.0	-55.1%
Chi phí TC	15.9	2.22	616%	20.5	17.1	19.7%
Chi phí lãi vay	0.87	2.22	-60.8%	5.46	14.5	-62.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.41	1.99	-79.6%	2.40	2.03	18.1%
Chi phí QLDN	0.67	0.74	-9.0%	2.70	2.88	-6.3%
LN thuần từ HĐKD	-20.1	10.3	-295%	-27.4	-3.02	-807%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.00	-0.22	99.0%
LN trước thuế	-20.1	10.3	-295%	-27.4	-3.24	-745%
Lợi nhuận sau thuế	-21.0	11.7	-279%	-30.4	-4.83	-529%
LNST của CĐ cty mẹ	-20.8	11.5	-281%	-29.9	-0.82	-3560%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.1	167	-90.1	-5.69	3.21	3.95
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-84.6	-156	88.5	-36.0	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.8	-0.98	-9.04	8.05	0.21	-0.50
Tiền đầu kỳ	85.8	3.53	13.7	39.0	5.36	8.79
Lưu chuyển tiền thuần	-82.3	10.2	-10.7	-33.7	3.43	3.46
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	-0.01	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	3.53	13.7	2.98	5.36	8.79	12.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	837	813	3.0%
Tài sản ngắn hạn	675	638	5.8%
Tiền và tương đương tiền	12.2	39.0	-68.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	638	592	7.8%
Hàng tồn kho	20.6	3.46	497%
Tài sản ngắn hạn khác	4.53	3.82	18.4%
Tài sản dài hạn	162	174	-7.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	149	161	-7.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	12.8	13.3	-3.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	350	296	18.5%
Nợ ngắn hạn	171	166	3.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.9	68.6	-49.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.9	20.9	-38.2%
Nợ dài hạn	179	130	38.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	143	86.4	65.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	486	517	-5.9%
Vốn chủ sở hữu	486	517	-5.9%
Vốn điều lệ	792	792	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

